

Số: /2024/QĐ-UBND Hải Dương, ngày tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2021 về cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật số 48/2014/QH13 ngày 17 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều Quy định về cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ,

đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Lập kế hoạch đấu thầu, thời gian thực hiện và phân chia gói thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa

1. Đối với các gói thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường thủy nội địa:

a) Việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện như việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự toán mua sắm.

b) Thời gian thực hiện gói thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công về quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường thủy nội địa tối đa là 03 năm (tương ứng với thời gian 03 năm ổn định ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

2. Đối với các gói thầu sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất đường bộ, đường thủy nội địa:

a) Việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện như việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án.

b) Thời gian thực hiện gói thầu sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất đường bộ, đường thủy nội địa tối đa là 02 năm.

3. Về phân chia gói thầu:

Căn cứ tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện; bảo đảm tính đồng bộ của dự án, dự toán mua sắm và quy mô gói thầu hợp lý. Việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa được chia thành các nhóm gói thầu:

a) Các gói thầu cung cấp dịch vụ quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ; đường thủy nội địa.

b) Các gói thầu sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất.

c) Các gói thầu tư vấn phục vụ công tác quản lý, bảo trì.”

2. Sửa đổi, bổ sung ý 2 và ý 3 gạch đầu dòng thứ nhất điểm c khoản 2 Điều 8 như sau:

“+ Trường hợp đấu thầu, giá dịch vụ sự nghiệp công được lập theo giai đoạn 03 năm trên cơ sở tính toán chi tiết khối lượng 01 năm đầu và dự kiến các năm tiếp theo phù hợp với định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân

sách địa phương theo giai đoạn hoặc tạm tính tăng so với năm trước là 5%/năm. Khi có kế hoạch vốn được giao năm tiếp theo trong giai đoạn, nhà thầu trúng thầu lập dự toán chi tiết của năm đó theo chế độ chính sách, giá nguyên nhiên vật liệu tại thời điểm được giao kế hoạch, trình cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 9 quy định này phê duyệt, làm cơ sở ký phụ lục hợp đồng và thực hiện công tác bảo trì của năm đó.

+ Giá trên là toàn bộ các công việc cần thiết phải thực hiện trong thời gian hợp đồng, cho toàn bộ công tác quản lý, sửa chữa bảo trì gồm: Toàn bộ các tuyến đường và các công trình trên tuyến được giao quản lý để đảm bảo tiêu chí đánh giá về chất lượng trong hồ sơ mời thầu. Trường hợp phát sinh khối lượng công việc đặc thù, phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận.”

### 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 như sau:

“1. Thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán và giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì đường bộ, đường thủy nội địa:

a) Đối với công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ và đường thủy nội địa:

Trên cơ sở định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (trường hợp chưa có định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương của Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh kỳ tiếp theo thì căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân kỳ trước) và thông báo kết quả thẩm tra phương án phân bổ dự toán thu chi ngân sách nhà nước hàng năm, cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý, bảo trì (Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện) tổ chức lập thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh dự toán dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo dưỡng thường xuyên.”

b) Đối với việc sửa chữa không thường xuyên: Trên cơ sở công việc, danh mục dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư thuộc kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ được cấp có thẩm quyền chấp thuận, cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý bảo trì tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt công trình theo Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; quản lý chất lượng công trình; quản lý chi phí đầu tư xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương.”

4. Bãi bỏ Điều 3, Điều 5, điểm d khoản 2 Điều 9 và khoản 2 Điều 10.

### **Điều 2.** Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Vụ pháp chế - Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- TT.CNTT- VP UBND tỉnh;
- CV UBND tỉnh: Thư, Đơn;
- Lưu: VT, KTN, Cao Cường (6b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lưu Văn Bản**